

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH ĐỊA ỐC BÀN THẠCH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH ĐỊA ỐC BÀN THẠCH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702991318

**3. Ngày thành lập:** 29/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45 đường Tân Lập, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743925278

Fax:

Email: [diaocbanthach@gmail.com](mailto:diaocbanthach@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống an ninh, phòng cháy chữa cháy, chống trộm và đột nhập, camera quan sát, chống sét, âm thanh, truyền hình, hạ tầng công nghệ thông tin (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). | 4329        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                       | 4933        |
| 4.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                | 6810        |
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                    | 6820        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).         | 4659        |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị                                                                                             | 7110(Chính) |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                  | 4662        |
| 9.  | Phá dỡ<br>Chi tiết: Phá dỡ mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                           | 4299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4752 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất, linh phụ kiện, vật tư trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ                                                                                                                                        | 4649 |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4759 |
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, bờ kè, điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp, điện nước sinh hoạt                                                                                                                                                                   | 4229 |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê giàn giáo, cốp pha                                                                                                                                                    | 7730 |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710 |
| 20. | Vệ sinh chung nhà cửa<br>(trừ dịch vụ xông hơi khử trùng)                                                                                                                                                                                                                                                       | 8121 |
| 21. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>(trừ dịch vụ xông hơi khử trùng)                                                                                                                                                                                                                           | 8129 |
| 22. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất cột bê tông, trụ bê tông (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                   | 2395 |
| 23. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)                                                                                                                                                                                       | 7830 |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390 |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101 |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102 |
| 28. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211 |
| 29. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663                                                         |
| 32. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                               | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT HÒA Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 13/08/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 271732634  
 Ngày cấp: 01/11/2011 Nơi cấp: CA Đồng Nai  
 Địa chỉ thường trú: Ấp 6, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số 45 Đường Tân Lập, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương